

Số: 07 /2022/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 22 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về bàn giao và tiếp nhận
công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;
Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;
Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;
Căn cứ Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 200/TTr-SXD ngày 12/11/2021 và Văn bản số 416/SXD-HTKH ngày 27/01/2022; Báo cáo thẩm định số 212/BC-STP ngày 05/11/2021 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bàn giao và tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Điều khoản thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ~~07~~ tháng ~~03~~ năm 2022.

2. Bãi bỏ Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 2464/2015/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về quản lý hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa, mảng xanh công cộng đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 326/2017/QĐ-UBND ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về quản lý hoạt động thoát nước đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Thành ủy, TT HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND TP;
- MTTQVN thành phố và các tổ chức Đoàn thể;
- VPTU, VP UBND TP;
- Đài PTTH HP, Báo HP;
- Công TTĐTTP; Công báo HP;
- Các Phòng: XDGT&CT, TCNS;
- CV: XD2, XD;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

QUY ĐỊNH

Về bàn giao và tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định số **07** /2022/QĐ-UBND
ngày **22** / **02** /2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về điều kiện, trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước thực hiện bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật; điều chuyển, tiếp nhận (sau đây gọi chung là bàn giao, tiếp nhận) tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hải Phòng, gồm: Công trình thoát nước; công trình xử lý chất thải rắn; công trình chiếu sáng công cộng; công trình công viên cây xanh; công trình nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng thuộc đô thị loại I, II, III, IV, V và các dự án khu đô thị, các dự án khu nhà ở, các dự án khu tái định cư nằm ngoài đô thị loại I, II, III, IV, V trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Các nội dung khác không nêu tại Quy định này thực hiện theo các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

3. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến công tác bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật, tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật theo Quyết định này là:

Công trình kết cấu dạng nhà hoặc dạng kết cấu khác sử dụng làm cơ sở, tiện ích, cấu trúc phục vụ trực tiếp cho việc lưu trữ, xử lý nước và thoát nước thải; lưu trữ, xử lý các loại chất thải rắn; chiếu sáng các khu vực công cộng; chôn cất, hỏa táng, cử hành tang lễ; duy trì cảnh quan đô thị, bao gồm:

a) Công trình thoát nước:

Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình hoặc một dây chuyền công nghệ trong các cơ sở sau: Hồ điều hòa; trạm bơm nước mưa; công trình xử

lý nước thải; trạm bơm nước thải; công trình xử lý bùn; các loại bể chứa nước mưa, nước thải; tuyến cống thoát nước mưa, cống chung; tuyến cống thoát nước thải; cống ngăn triều, cánh phai, van phai.

b) Công trình xử lý chất thải rắn:

Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình hoặc một dây chuyền công nghệ trong các cơ sở xử lý chất thải rắn thông thường bao gồm: Trạm trung chuyển; bãi chôn lấp rác; khu liên hợp xử lý/khu xử lý; cơ sở xử lý chất thải rắn;

Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình hoặc một dây chuyền công nghệ trong các cơ sở xử lý chất thải nguy hại.

c) Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình trong các cơ sở sau:

- Công trình chiếu sáng công cộng (hệ thống chiếu sáng công cộng, cột đèn, trạm biến áp phục vụ chiếu sáng công cộng);

- Công viên cây xanh;

- Nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng;

2. Bên tiếp nhận là:

a) Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở chuyên ngành hoặc các cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng giao quản lý tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc giao quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật.

3. Bên bàn giao là:

a) Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu vốn, vay vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.

b) Chủ sở hữu tài sản là:

Chủ sở hữu tài sản theo quy định Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017, có tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

c) Đại diện chủ sở hữu tài sản là:

Các Sở chuyên ngành, cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng giao tổ chức thực hiện quyền của chủ sở hữu tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật.

Điều 3. Nguyên tắc bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Chủ trương bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật, điều chuyển tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật.

a) Trường hợp trong hồ sơ trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình đã xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng tài sản công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án sau khi hoàn thành và được cơ quan, người có thẩm quyền chấp thuận thì thực hiện theo các nội dung của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt.

b) Trường hợp trong hồ sơ trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình chưa xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng tài sản công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án sau khi hoàn thành thì áp dụng các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên quan để xác định đối tượng thụ hưởng và báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền chấp thuận.

2. Việc bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật sau khi hoàn thành thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo Điều 124 của Luật Xây dựng; khoản 46 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Điều 27 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

3. Việc điều chuyển tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện theo các quy định về bàn giao tài sản quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính và các quy định khác có liên quan.

4. Các công trình hạ tầng kỹ thuật chỉ được phép bàn giao và đưa vào sử dụng sau khi Chủ đầu tư đã tổ chức nghiệm thu hoàn thành theo quy định, đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, chấp thuận công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định đối với các công trình thuộc khoản 1, Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

5. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật phải vận hành thử nghiệm như công trình xử lý nước thải, xử lý chất thải Chủ đầu tư cần hoàn thiện các thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường (Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước hoặc Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi) của dự án và các quy định có liên quan trước khi bàn giao.

6. Trường hợp công trình hạ tầng kỹ thuật trước khi bàn giao có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu thiết kế thì Bên tiếp nhận có quyền từ chối tiếp nhận, yêu cầu Chủ đầu tư tổ chức kiểm định xây dựng, thử nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ và tổ chức khắc phục các tồn tại của hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho đến khi đạt yêu cầu (chi phí kiểm tra, kiểm định chất lượng và khắc phục các tồn tại do Chủ đầu tư chủ động chi trả).

7. Khuyến khích các Chủ đầu tư dự án, Chủ sở hữu có công trình hạ tầng kỹ thuật mời Bên tiếp nhận tham gia quản lý, giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm tạo sự đồng thuận trong công tác quản lý chất lượng và nghiệm thu công trình từ giai đoạn xây dựng đến khi bàn giao, tiếp nhận, khai thác, vận hành, tạo thuận lợi trong quá trình bàn giao, tiếp nhận, khai thác, vận hành.

8. Bên tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức khai thác, sử dụng theo đúng công năng thiết kế và bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng là chủ sở hữu các công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư bằng nguồn ngân sách thành phố theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014, Điều 21 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009, Điều 3 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ và phân công, phân cấp quản lý như sau:

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước đô thị, công trình xử lý nước thải đô thị, hệ thống cây xanh đô thị, hệ thống điện chiếu sáng đô thị tại các khu vực đô thị trên địa bàn thành phố (bao gồm đô thị loại I, II, III trên địa bàn quận, thành phố thuộc thành phố và đô thị loại IV, V trên địa bàn các huyện).

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện là chủ sở hữu hệ thống thoát nước, công trình xử lý nước thải, hệ thống cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn các quận, huyện, trừ hệ thống thoát nước, công trình xử lý nước thải, hệ thống cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Thời điểm thực hiện bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật

Các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án (thoát nước, xử lý nước thải, xử lý chất thải, chiếu sáng công cộng, cây xanh sử dụng công cộng) được phép tổ chức bàn giao cho Bên tiếp nhận để quản lý, vận hành sớm nhất kể từ khi Chủ đầu tư hoàn thành thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, hoàn thành các thủ tục nghiệm thu về quản lý chất lượng công trình, vận hành thử nghiệm theo quy định về bảo vệ môi trường (nếu có). Trường hợp bàn giao từng hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 36 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị thì phải đảm bảo việc đầu tư xây dựng tiếp các công trình còn lại của dự án không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, vận hành của công trình hạ tầng kỹ thuật đã được bàn giao.

Điều 6. Hồ sơ, tài liệu để bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật, tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Danh mục hồ sơ bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật, tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; theo Điều 37, Điều 38 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; theo quy định tại Điều 94 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Hồ sơ tài liệu bàn giao công trình hạ tầng kỹ thuật, tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật: Bên bàn giao tổ chức lập 01 bộ hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy định tại Phụ lục IX Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ; Điều 37, Điều 38 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 94 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, bàn giao cho Bên tiếp nhận khi tổ chức bàn giao. Bên tiếp nhận có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ này trong suốt quá trình quản lý, khai thác, sử dụng.

Điều 7. Các bước thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận các công trình trình hạ tầng kỹ thuật

1. Sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư xây dựng dự án hoặc hoàn thành đầu tư xây dựng từng công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại Điều 5 Quy định này, Chủ đầu tư gửi văn bản đến Bên tiếp nhận đề nghị bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật để được xem xét, tổ chức kiểm tra, giải quyết theo quy định.

2. Bên tiếp nhận chủ trì thành lập Đoàn kiểm tra; xây dựng nội dung kiểm tra và tổ chức kiểm tra theo nội dung kiểm tra; yêu cầu thực hiện các nội dung đảm bảo theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

3. Tùy theo thẩm quyền, Bên tiếp nhận có trách nhiệm ban hành Quyết định tiếp nhận chính thức hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định tiếp nhận chính thức công trình hạ tầng kỹ thuật để quản lý, khai thác và bảo trì theo quy định.

Điều 8. Thành phần Đoàn kiểm tra và nội dung kiểm tra

1. Sau khi tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đảm bảo các điều kiện để tổ chức kiểm tra, Bên tiếp nhận có trách nhiệm chủ trì tổ chức Đoàn kiểm tra để xem xét hồ sơ pháp lý và tiến hành khảo sát hiện trạng của công trình đề nghị được bàn giao, tiếp nhận.

2. Thành phần Đoàn kiểm tra gồm:

- a) Bên tiếp nhận là đơn vị chủ trì tổ chức kiểm tra.
- b) Các Sở, Ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan và Sở Tài chính.
- c) Người đại diện pháp luật của Chủ đầu tư dự án và các đơn vị tham gia thực hiện dự án.

3. Nội dung kiểm tra :

Bên bàn giao có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, phương tiện cần thiết để phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn kiểm tra. Nội dung kiểm tra chủ yếu gồm:

- a) Kiểm tra sự tuân thủ các nội dung pháp lý của dự án theo quy định tại các thời điểm triển khai dự án.
- b) Kiểm tra sự phù hợp giữa hồ sơ quản lý chất lượng của công trình đề nghị được bàn giao, tiếp nhận so với thực tế.
- c) Kiểm tra một số nội dung cần thiết khác khi đoàn kiểm tra phát hiện và yêu cầu thực hiện.

Điều 9. Báo cáo, xử lý sau kiểm tra

1. Kết quả sau kiểm tra phải được đơn vị chủ trì lập thành Biên bản; Biên bản phải thể hiện rõ nội dung đạt và không đạt yêu cầu; nhận xét, kết luận và kiến nghị; đồng thời phải có đủ chữ ký các thành viên trong Đoàn kiểm tra.

2. Trường hợp kết quả kiểm tra đủ điều kiện tiếp nhận: Bên tiếp nhận có trách nhiệm ban hành Quyết định tiếp nhận chính thức hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định tiếp nhận chính thức công trình.

3. Trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu để bàn giao, tiếp nhận: Đơn vị chủ trì có văn bản yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện theo các yêu cầu của

Đoàn kiểm tra và xem xét tiếp nhận khi đạt yêu cầu; nếu Chủ đầu tư không thực hiện thì không tiếp nhận và có văn bản báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét xử lý từng trường hợp cụ thể.

Điều 10. Xác định giá trị tài sản của công trình hạ tầng kỹ thuật khi bàn giao

Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án đã hoàn thành nhưng chưa bàn giao cho Bên tiếp nhận, khi thực hiện công tác bàn giao cho Bên tiếp nhận thì ngoài các yêu cầu đảm bảo kỹ thuật, chất lượng công trình hạ tầng kỹ thuật, Bên bàn giao cần phải tính toán, xác định giá trị tài sản tại thời điểm bàn giao (sau khi giảm trừ giá trị hao mòn tài sản theo thời gian sử dụng) theo quy định.

Điều 11. Bàn giao tài sản công trình hạ tầng kỹ thuật do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hiến, biếu, tặng cho thành phố

Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật là tài sản do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hiến, biếu, tặng cho, đóng góp, viện trợ, tài trợ và hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác cho thành phố; tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho thành phố; tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho thành phố theo hợp đồng dự án, khi bàn giao Bên tiếp nhận phải thực hiện theo các quy định tại quy định này và phải thực hiện các thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của các bên đối với công trình hạ tầng kỹ thuật được bàn giao, tiếp nhận

1. Bên bàn giao:

a) Hoàn thành việc bàn giao hồ sơ quy định tại Điều 6 Quy định này cho Bên tiếp nhận trước thời điểm Bên tiếp nhận ban hành Quyết định tiếp nhận chính thức hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định tiếp nhận chính thức công trình.

b) Tất cả các công trình hạ tầng kỹ thuật chưa được bàn giao cho Bên tiếp nhận thì Chủ đầu tư phải tổ chức đầu tư, quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng đảm bảo theo quy định pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình.

c) Trong thời gian bảo hành công trình xây dựng, nếu phát hiện tình trạng hư hỏng phải kịp thời khắc phục và có văn bản báo cáo hoàn thành công tác bảo hành công trình.

d) Thực hiện theo các nội dung yêu cầu của Đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra.

e) Tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng, hồ sơ bảo trì công trình; tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình xây dựng, thực hiện bảo trì công trình xây dựng đảm bảo về trình tự thực hiện bảo trì công trình xây dựng trong thời gian chưa bàn giao cho Bên tiếp nhận.

2. Bên tiếp nhận:

a) Có trách nhiệm tiếp nhận các công trình hạ tầng kỹ thuật do Chủ đầu tư bàn giao. Sau khi nhận bàn giao, trực tiếp quản lý hoặc tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật về đấu thầu để quản lý khai thác, vận hành và triển khai thực hiện bảo trì theo quy trình bảo trì công trình xây dựng.

b) Xây dựng kế hoạch, bố trí vốn (hoặc kiến nghị bố trí vốn) định kỳ, hàng năm nhằm đảm bảo triển khai tốt công tác quản lý vận hành, duy tu, bảo dưỡng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật được quyết định tiếp nhận.

Điều 13. Trách nhiệm tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Sở Xây dựng là đơn vị chủ trì: Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận các công trình hạ tầng kỹ thuật trên toàn địa bàn thành phố; hướng dẫn Bên tiếp nhận đối với các công trình chưa đảm bảo về hồ sơ pháp lý, quản lý chất lượng công trình.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, hướng dẫn các Sở, ban ngành đơn vị liên quan trong công tác bàn giao, tiếp nhận các nội dung tại Điều 10 và Điều 11 quy định này; hướng dẫn các Sở, ban ngành, đơn vị liên quan hạch toán, theo dõi sổ sách, biến động về giá trị tài sản, sử dụng tài sản đúng mục đích, hiệu quả không để xảy ra thất thoát tài sản và thực hiện chế độ thống kê báo cáo theo quy định.

b) Bố trí kinh phí để Bên tiếp nhận có đủ điều kiện tổ chức quản lý khai thác, vận hành, bảo trì, bảo vệ theo quy định.

3. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo chức năng nhiệm vụ được phân công, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành công trình, phối hợp với đơn vị chủ trì khi được đề nghị tham gia Đoàn kiểm tra.

4. Bên tiếp nhận là đơn vị chủ trì Đoàn kiểm tra theo quy định tại Điều 8 của Quy định này có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận các công trình hạ

tầng kỹ thuật thuộc đô thị loại I, II, III, IV, V, các dự án khu đô thị, các dự án khu nhà ở, các dự án khu tái định cư trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

5. Chủ đầu tư: Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư trong việc cung cấp hồ sơ có liên quan đến dự án; phối hợp cùng Đoàn kiểm tra; thực hiện bảo hành, bảo trì và các nội dung theo yêu cầu của Quy định này.

Điều 14. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với những công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án đầu tư đã được phê duyệt trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành và đang trong giai đoạn thực hiện dự án chưa bàn giao thì việc thực hiện các bước tiếp theo của dự án phải tuân thủ Quy định này.

2. Các công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện bàn giao, tiếp nhận sau ngày Quy định này có hiệu lực thì thực hiện theo Quy định này.

3. Các dự án đang thực hiện với nhiều hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, thì ngoài các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật đã bàn giao trước ngày Quy định này có hiệu lực, các hạng mục công trình còn lại chưa bàn giao thì phải thực hiện theo Quy định này.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến việc quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; cùng phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ của từng ngành, từng cấp trong từng lĩnh vực cụ thể của Quy định này.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ quản lý trực tiếp việc khai thác sử dụng, vận hành và bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị theo Quy định này có trách nhiệm phối hợp, tổ chức quản lý, vận hành bảo đảm thống nhất đồng bộ và có hiệu quả./.